

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tạm thời mức nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp và chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Đất đai 2013;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
Xét đề nghị của liên Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2458/LS:TC-TN&MT-NN&PTNT ngày 29 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tạm thời mức nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp và chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ, nội dung cụ thể như sau:

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

a) Đất chuyên trồng lúa nước (là đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm) khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

b) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (gọi chung là người sử dụng đất) từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp phải nộp một khoản tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

c) Đối với các dự án phục vụ mục đích công cộng, làm đường giao thông do UBND Thành phố, UBND các quận, huyện và thị xã, các Sở, ngành quyết định đầu tư thì số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa được dự toán trong tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt.

d) Đối với số diện tích đất chuyên trồng lúa nước có quyết định chuyển mục đích sử dụng trước ngày 01/7/2015 (ngày Nghị định 35/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) đã có thông báo nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 7644/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của UBND Thành phố quy định tạm thời về mức thu kinh phí đối với tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất vào mục đích đất phi nông nghiệp từ đất trồng lúa nhưng không có phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo các vùng đất trồng lúa kém chất lượng và đất trồng trọt khác theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 42/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

d) Đối với số diện tích đất chuyên trồng lúa nước đã có Quyết định chuyển mục đích sử dụng trước ngày 01/7/2015 (ngày Nghị định 35/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) nhưng chưa có thông báo nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa và các trường hợp chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước từ ngày 01/7/2015 thì thực hiện theo quy định này tại Quyết định này.

e) Đối với các trường hợp thu hồi đất trồng lúa nước giao Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao cho các chủ đầu tư thực hiện dự án thì Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội có trách nhiệm nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa và thu lại số tiền này khi bàn giao đất cho các chủ đầu tư theo quy định.

2. Mức tiền phải nộp

Mức tiền phải nộp = Số diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp (x) Giá của loại đất trồng lúa (tính theo Bảng giá đất quy định của UBND Thành phố) quy định tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất (x) 70%.

3. Xác định và phê duyệt số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

a) Diện tích đất nông nghiệp trồng lúa nước thu hồi, chuyển mục đích sử dụng sang mục đích phi nông nghiệp được xác định cụ thể trên Quyết định thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đối với trường hợp do UBND Thành phố quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đồng thời với việc xác định giá tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, trình UBND Thành phố phê duyệt. Trường hợp thuộc diện được giao đất không thu tiền sử dụng đất thì Sở Tài nguyên và Môi trường xác định, trình UBND Thành phố phê duyệt, thu tiền để bảo vệ và phát triển đất

trồng lúa nộp ngân sách Nhà nước theo quy định trước khi bàn giao đất trên thực địa cho chủ đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đối với các trường hợp do UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

Việc xác định và phê duyệt được thực hiện đồng thời với việc xác định tiền thuê đất, tiền sử dụng đất của dự án. Trường hợp thuộc diện được giao đất không thu tiền sử dụng đất thì Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định, trình UBND cấp huyện phê duyệt, thu tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nộp ngân sách Nhà nước theo quy định trước khi bàn giao đất trên thực địa cho hộ gia đình, cá nhân.

d) Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã thu tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

4. Chế độ quản lý, sử dụng tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

a) Số tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa được nộp vào ngân sách Thành phố và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

b) Tiền thu do người sử dụng đất nộp ngân sách và nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố (theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ) được sử dụng để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo các nội dung như sau:

- Chi phí lập quy hoạch, lập bản đồ các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công bố công khai để tổ chức triển khai thực hiện;

- Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo đất trồng lúa phù hợp;

- Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: Tăng độ dày của tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, bón vôi; thau chua đối với đất bị nhiễm phèn và các biện pháp cải tạo đất khác;

- Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng trên đất trồng lúa theo quy hoạch được duyệt;

- Khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại;

- Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa hàng hóa chất lượng cao theo các chính sách quy định của Thành phố.

5. Kiểm tra việc nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

a) Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các trường hợp UBND Thành phố quyết định) và UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn từ ngày 1/7/2015 đến ngày ban hành Quyết định này để xác định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa phải nộp theo quy định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm kiểm tra kết quả nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp chưa nộp tiền vào ngân sách Thành phố thì yêu cầu người sử dụng đất nộp tiền trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 7644/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của UBND Thành phố quy định tạm thời về mức thu kinh phí đối với các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất vào mục đích phi nông nghiệp từ đất trồng lúa nhưng không có phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo các vùng đất trồng lúa kém chất lượng và đất trồng trọt khác được cấp thẩm quyền phê duyệt mà xin nộp bằng tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế Thành phố; Trưởng Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TN&MT, TC, NN&PTNT;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
(để báo cáo)
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các PCT/UBND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND TP;
- Website Chính phủ;
- VPUBTP: các PCVP, TH, các Phòng CV; Trung tâm TH và công báo;
- Lưu: VT, TNth.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Khanh